TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CỦ CHI** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 1261/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 18-9-2023
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỦ CHI, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Hồng Thủy.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Thái Văn Sơn;

2. Ông Huỳnh Vĩnh Lộc.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trương Văn Bé - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh *tham gia phiên tòa:* Không có.

Ngày 18 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 713/2023/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 6 năm 2023 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 465/2023/QĐXX-ST ngày 07 tháng 8 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 369/2023/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Lâm Văn V, sinh năm 1984 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp A, xã An H, huyện D, tỉnh Sóc Trăng.

2. Bị đơn: Bà Huỳnh Thị Phương T, sinh năm 1983 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số 139, đường 572, tổ 11, ấp Đ, xã K, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn nộp ngày 23/5/2023 và các lời khai tại Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, nguyên đơn ông Lâm Văn V trình bày:

Ông và bà Huỳnh Thị Phương T tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 35/2010 do Ủy ban nhân dân xã K, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 26/5/2010. Thời gian đầu vợ

chồng ông chung sống hạnh phúc về sau thì phát sinh mâu thuẫn. Mâu thuẫn phát sinh từ năm 2013, do thu nhập không ổn định, hai bên thường xuyên cãi nhau làm cho cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Mặc dù đã cố gắng hàn gắn nhưng cả hai vợ chồng ông không còn tiếng nói chung nên ông đã trở về quê sinh sống. Từ đó, hai bên không còn quan tâm, chăm sóc, yêu thương nhau. Vợ chồng ông ly thân từ năm 2013 cho đến nay. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, ông yêu cầu ly hôn với bà Huỳnh Thị Phương T.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung: Không có.

Về nghĩa vụ dân sự chung: Không có.

Bị đơn bà Huỳnh Thị Phương T vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Ông Lâm Văn V yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Củ Chi giải quyết cho ông ly hôn với bà Huỳnh Thị Phương T hiện đang cư trú tại số 139, đường 572, tổ 11, ấp Đ, xã K, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh. Đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Bà Huỳnh Thị Phương T đã được Tòa án tống đạt Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng bà T vẫn vắng mặt không lý do. Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà T theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân:

Ông Lâm Văn V và bà Huỳnh Thị Phương T tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 35/2010 do Ủy ban nhân dân xã K, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 26/5/2010.

Xét lời trình bày của ông V thì sau kết hôn giữa ông và bà T đã có nhiều khác biệt về cách sống và quan điểm sống. Thời gian đầu vợ chồng ông chung sống hạnh phúc về sau thì phát sinh mâu thuẫn. Mâu thuẫn phát sinh từ năm 2013, do thu nhập không ổn định, hai bên thường xuyên cãi nhau làm cho cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Mặc dù đã cố gắng hàn gắn nhưng cả hai vợ chồng ông không còn tiếng nói chung nên ông đã trở về quê sinh sống. Vợ chồng ông ly thân từ năm 2013 cho đến nay. Hai bên không còn quan tâm, chăm sóc, yêu thương nhau. Ông xác định tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông ly hôn với bà Huỳnh Thị Phương T.

Bà T đã được Tòa án triệu tập nhưng bà không đến tòa. Bà T cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến, không có bất cứ tác động nào cho thấy muốn hàn gắn quan hệ vợ chồng, không có giải pháp đoàn tụ. Xét mâu thuẫn vợ chồng giữa ông V và bà T đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình nghĩ nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông V đối với bà T là có cơ sở.

[4] Về con chung: Không có.

[5] Về tài sản chung: Không có.

[6] Về nghĩa vụ dân sự chung: Không có.

Bà Huỳnh Thị Phương T vắng mặt tại phiên tòa. Nếu bà T có tranh chấp về tài sản chung và nghĩa vụ dân sự chung thì sẽ giải quyết ở vụ án khác.

[7] Về nghĩa vụ chịu án phí sơ thẩm:

Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, ông Lâm Văn V phải chịu án phí sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 9, Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 57 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Về quan hệ hôn nhân:

Chấp nhận yêu cầu của ông Lâm Văn V là được ly hôn với bà Huỳnh Thị Phương T.

Giấy chứng nhận kết hôn số 35/2010 do Ủy ban nhân dân xã K, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 26/5/2010 không còn giá trị pháp lý.

[2] Về con chung: Không có.

[3] Về tài sản chung: Không có.

[4] Về nghĩa vụ dân sự chung: Không có.

[5] Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn 300.000 (ba trăm nghìn) đồng ông Lâm Văn V phải chịu, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp

300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tiền số AA/2023/0017618 ngày 08/6/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Củ Chi.

[6] Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND huyện Củ Chi;
- Chi cục THADS huyện Củ Chi;
- UBND xã K, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Hồng Thủy